

Số: 26/QĐ - GDNNGDTX

Củ Chi, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai dự toán chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2023
của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/218/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 16349/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước, số liệu thu, chi nguồn khác Quý I năm 2023 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng các Tổ, Kế toán và cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Ngọc Lam

Củ Chi, ngày 14 tháng 10 Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-TTGDNN-GDĐT ngày 14/4/2023 của Trung tâm GDNN-GDĐT)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm GDNN - GDTX huyện Củ Chi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2023 như sau:

ĐV tính: dòng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.210.289.800	729.139.418	17,32%	
I	Số thu phí, lệ phí	990.000.000	224.678.599	22,69%	
1	Học phí	990.000.000	224.678.599	22,69%	
2	Phí			0,00%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.220.289.800	504.460.819	15,67%	
1	Chi thoả thuận, hoạt động dịch vụ	2.308.300.000	490.209.619	21,24%	
1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000	441.724.720	27,57%	
2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000	-	0,00%	
3	Tiền học Tin Học	210.000.000	14.383.056	6,85%	
4	Tiền học Nghề	-	34.101.843	0,00%	
5	Tiền thuê phòng học	36.300.000	-	0,00%	
6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000	-	0,00%	
2	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946	5.900.000	0,92%	
1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352	-	0,00%	
2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717	-	0,00%	
3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	-	-	0,00%	
4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877	5.900.000	9,81%	
3	Các khoản thu hộ chi hộ	270.054.854	8.351.200	3,09%	
1	Tiền Ăn Phẩm	176.575.422	3.051.200	1,73%	
3	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300	-	0,00%	
4	Tiền in đề	15.152.699	4.100.000	27,06%	
5	Tiền lệ phí bằng	1.621.000	-	0,00%	
6	Tiền CSSKBD	66.963.433	1.200.000	1,79%	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.564.486.717	897.165.692	13,67%	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.564.486.717	897.165.692	13,67%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.674.637.192	897.165.692	24,42%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.889.849.525	-	0,00%	

Ngày 17 tháng 4 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Ngọc Lam



Đơn vị: **TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN CỬ CHI**

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-TTGDNNGDTX ngày 14/4/2023 của Trung tâm GDNN-GDTX)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.210.289.800
I	Số thu phí, lệ phí	990.000.000
1	Học phí	990.000.000
2	Phí	
3	Thu thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	2.308.300.000
1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000
2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000
3	Tiền học Tin Học	210.000.000
4	Tiền học Nghề	-
5	Tiền thuê phòng học	36.300.000
6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946
1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352
2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717
3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	
4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877
5	Các khoản thu hộ chi hộ	270.054.854
1	Tiền Ăn Phẩm	176.575.422
2	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300
3	Tiền in đề	15.152.699
4	Tiền lệ phí bằng	1.621.000
5	Tiền CSSKBD	66.963.433
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.220.289.800
1	Chi thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	2.308.300.000
1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000
2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000
3	Tiền học Tin Học	210.000.000
4	Tiền học Nghề	-
5	Tiền thuê phòng học	36.300.000
6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946
1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352
2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	
4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877
5	Các khoản thu hộ chi hộ	270.054.854
1	Tiền Ấn Phẩm	176.575.422
2	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300
3	Tiền in đề	15.152.699
4	Tiền lệ phí bằng	1.621.000
5	Tiền CSSKBD	66.963.433
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.564.486.717
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.564.486.717
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.564.486.717
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.674.637.192
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.889.849.525

Ngày 17 tháng 4 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Ngọc Lam

Chi nhánh: Chi nhánh H. Củ Chi - H. Củ Chi
 Địa chỉ: KP 2, Tỉnh lộ 8- Thị Trấn Củ Chi-Huyện Củ Chi
 Điện thoại/Fax: 77.1

SỔ PHỤ / STATEMENT

Tên khách hàng / Customer name : TT GD Nghề Nghiệp- GD Thường Xuyên Huyện Củ Chi

Địa chỉ / Address : Khu Phố 3, Thị Trấn Củ Chi, HCM

Ngày in / Print out date : 04/04/2023

Loại tiền / Ccy : VND

Loại tiền gửi / DP kind : TG KKH TCKT

Tài khoản đồng sở hữu/ Joint A/C : No

Số tài khoản / A/C No : 6120201006677

Tình trạng tài khoản/ A/C status : Active

Ngày phát sinh trước / Prior Statement : 28/02/2023

483,613,332 Doanh số nợ tháng / Monthly less debit : 350,340,286

Số dư cuối ngày / Ending balance : 31/03/2023

704,749,512 Doanh số có tháng / Monthly plus credit: 571,476,466

Số bút toán/Doanh số nợ/ Less debit : 6

350,340,286 Doanh số nợ năm / Annual less debit : 771,842,722

Số bút toán/Doanh số có / Plus credit : 5

571,476,466 Doanh số có năm / Annual plus credit : 918,194,139

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
06/03/2023	CHUYEN TIEN		478,893,000	962,506,332	
07/03/2023	Phi duy trì DV SMS Banking Tháng 03/2023	55,000		962,451,332	
07/03/2023	NGO THI BICH DAN RUT TIEN	35,000,000		927,451,332	
07/03/2023	TT GD NGHE NGHIEP- GD THUONG XUYEN HUYEN CU CHI TT TIEN VS MAY LANH 6 MAY CHO ONG TA XUAN PHUONG -HKD TRI MINH	1,511,000		925,940,332	
08/03/2023	NGO THI BICH DAN RUT TIEN	301,763,286		624,177,046	
09/03/2023	LE PHAT LOI nộp tiền : TIEN THUE MAT BANG T2/2023		25,000,000	649,177,046	
13/03/2023	NGUYEN THANH DANH nộp tiền : TT TIEN MAT BANG BAI GIU XE THANG 2		31,000,000	680,177,046	
20/03/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 03 năm 2023	11,000		680,166,046	
24/03/2023	2370110303997588 Thanh toán cho so chung tu: 230322_1084132_0116011	TT cấp	36,300,000	716,466,046	926A233144QVU1LG
28/03/2023	NGO THI BICH DAN RUT TIEN	12,000,000		704,466,046	
31/03/2023	Lãi tiền gửi		283,466	704,749,512	

CMV
 Nguyễn Thúy Hiền Phương

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG AGRIBANK

SỔ PHỤ THEO NGÂN HÀNG AGRIBANK NĂM 2023

SỐ TÀI KHOẢN: 6120201006677

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Thu	Chi	Tồn
	Thu	Chi				
			Mang sang			558.398.095
03/01/2023			Chuyển tiền mua BHYT (đợt 2)		7.603.470	550.794.625
03/01/2023			Nhận tiền BHYT từ TK 071 nhập TK 6677	5.046.052		555.840.677
05/01/2023			NTBD rút tiền nộp BHTN 46.200.000+ tiền thuê phòng học 14.929.200		61.129.200	494.711.477
09/01/2023			Phí SMS DV biến động số dư tháng 12/2022		55.000	494.656.477
13/01/2023			NTBD rút tiền về nhập quỹ tiền mặt		352.637.766	142.018.711
19/01/2023			BHXX trích kinh phí CSSKBĐ năm 2022 (quý I+II+III+IV)	40.713.600		182.732.311
27/01/2023			Phí quản lý tài khoản tháng 01/2023		11.000	182.721.311
27/01/2023			BHXX trích thù lao BHYT HSSV tháng 10 đến tháng 12 năm 2022	7.603		182.728.914
31/01/2023			Lãi tiền gửi	128.953		182.857.867
01/02/2023			NTBD nộp tiền vào tài khoản	180.000.000		362.857.867
07/02/2023			Phí SMS DV biến động số dư tháng 01/2023		55.000	362.802.867
13/02/2023			Lê Phát Lợi nộp tiền thuê mặt bằng căn tin	25.000.000		387.802.867
20/02/2023			Phí quản lý tài khoản tháng 02/2023		11.000	387.791.867
22/02/2022			BHXX thoái thu BHYT HSSV QĐ 55	2.675.295		390.467.162
28/02/2023			NTBD nộp tiền vào tài khoản	93.000.000		483.467.162
28/02/2023			Lãi tiền gửi	146.170		483.613.332
06/03/2023			Chuyển tiền từ TK071 nhập về TK6677 trong đó: DTHT: 435.803.849 TH: 22.969.440 NG: 19.832.711 HSNH: 500.000 PH: 60.000	478.893.000		962.506.332
07/03/2023			Phí SMS DV biến động số dư tháng 02/2023		55.000	962.451.332
07/03/2023			NTBD rút tiền trong đó: DTHT: 32.324.705 Thoái thu BH cho HSSV theo QĐ 55: 2.675.295		35.000.000	927.451.332
07/03/2023			Thanh toán tiền vệ sinh 6 máy lạnh		1.500.000	925.951.332
07/03/2023			Phí thanh toán tiền vệ sinh 6 máy lạnh		11.000	925.940.332
08/03/2023			NTBD rút tiền trong đó: DTHT: 277.852.291 TH: 8.412.496 NG: 15.498.199		301.763.286	624.177.046
09/03/2023			Lê Phát Lợi nộp tiền thuê mặt bằng căn tin tháng 02/2023	25.000.000		649.177.046
13/03/2023			Nguyễn Thanh Danh nộp tiền thuê mặt bằng bãi xe tháng 02/2023	31.000.000		680.177.046
20/03/2023			Thu phí quản lý tài khoản tháng 3/2023		11.000	680.166.046
24/03/2023			Trường Trung cấp Lương Thực Thực phẩm nộp tiền HKII năm học 2	36.300.000		716.466.046
28/03/2023			NTBD rút tiền 12.000.000 trong đó DTHT : 4.900.000 TH: 3.000.000 ID: 4.100.000		12.000.000	704.466.046
31/03/2023			Lãi tiền gửi	283.466		704.749.512
			Cộng phát sinh trong năm	918.194.139	771.842.722	
			Số dư năm trước chuyển sang	558.398.095		
			Lũy kế từ đầu năm	1.476.592.234	771.842.722	
			Số dư cuối tháng			704.749.512

Số dư kinh phí CSSKBD năm 2022	447.145	HSNH	54.475.422
Nhận Kinh phí CSSKBD năm 2023	65.713.600	ID	15.152.699
Rút kinh phí CSSKB	-	QUỸ PL	35.854.849
Số dư 2022	66.160.745	QUỸ PTSN	12.248.592
		CCTL	39.357.438
		TLTS	22.911.000
			180.000.000
2/ Hoa hồng BHYT học sinh			
Số dư 2022	-		
Nhận kinh phí hoa hồng 2022(thù lao BHYT HSSV từ tháng 1-6/2021)	-		
Rút hoa hồng	-		
Số dư 2022	-	Ngày 28/02/2023 gửi vào	
		CT-BX	62.000.000
3/ Tiền cho thuê BX		CSSKBD	25.000.000
Số dư 2022	-	Lệ Phí Bằng	1.621.000
Gửi năm 2023	93.000.000	QUỸ PL	4.379.000
Rút năm 2023	-		
Số dư 2022	93.000.000		93.000.000
4/ Tiền cho thuê CT			
		Ngày 07/3/2023 rút về	
Số dư 2022	-	DHTH	32.324.705
Gửi năm 2023	50.000.000	BHXXH trả cho HV	2.675.295
Rút năm 2023	-		35.000.000
Số dư 2021	50.000.000		
5/ Tiền cho thuê ph			
		Ngày 08/3/2023 rút về	
Số dư 2022	-	DTHT	277.852.291
Gửi năm 2023	36.300.000	TH	8.412.496
Rút năm 2023	-	NG	15.498.499
Số dư 2022	36.300.000		301.763.286
6/ Tiền nghề			
		gày 06/3/2023 nhập 478.893 từ TK 30	
Số dư 2022	-	TH	22.696.440
Gửi năm 2023	19.832.711	NG	19.832.711
Rút năm 2023	15.498.499	DTHT	435.803.849
Số dư 2022	4.334.212	HSNH	500.000
7/Tiền DTHT:		PH	60.000
			478.893.000
Số dư 2022	-		
Gửi năm 2023	435.803.849		
Rút năm 2023	315.076.996	NHÓM TRƯỞNG	
Số dư 2022	120.726.853		
8/Tiền TH:			
Số dư 2022	-		
Gửi năm 2023	22.696.440		
Rút năm 2022	12.912.496	nảy lạnh 1.500.000	
Số dư 2022	9.783.944		
9/Tiền Phù Hiệu			
Số dư 2022	-		
Gửi năm 2023	9.730.300		
Rút năm 2023	-		
Số dư 2022	9.730.300		
10/ Tiền HSNH (ấn phẩm)			
Số dư 2022	-		
Gửi năm 2023	177.075.422		
Rút năm 2023	-		
Số dư 2022	177.075.422		
11/ Tiền In Đề			
Số dư 2022	-		
Gửi năm 2023	15.152.699		
Rút năm 2023	4.100.000		
Số dư 2022	11.052.699		

12/ Tiền LPB

Số dư 2022	-
Gửi năm 2023	1.621.000
Rút năm 2023	-
Số dư 2022	1.621.000

13/Tiền lãi ngân hàng

Số dư 2022	9.856.266
Tiền lãi NH năm 2023	566.192
Phí biến động số dư 2023	165.000
Phí quản lý tài khoản 2023	33.000
Phí chuyển tiền năm 2023	11.000
Phí thay đổi thông tin SMS	-
Thanh toán tiền mua 3 quyền séc	-
Số dư 2022	10.213.458

14/ Tiền gửi thanh lý tài sản

Số dư 2022	-
Gửi năm 2023	22.911.000
Rút năm 2023	-
Số dư 2023	22.911.000

15/ Thoái thu BHYT

Số dư 2022	-
Gửi năm 2023	2.675.295
Rút năm 2023	2.675.295
Số dư 2023	-

16/Tiền quỹ PL

Số dư 2022	-
Gửi năm 2023	40.233.849
Rút năm 2023	-
Số dư 2023	40.233.849

17/Tiền quỹ PTSN

Số dư 2022	-
Gửi năm 2023	12.248.592
Rút năm 2023	-
Số dư 2023	12.248.592

18/Tiền CCTL từ thu SN

Số dư 2022	-
Gửi năm 2023	39.357.438
Rút năm 2023	-
Số dư 2023	39.357.438

Tổng cộng số dư

Tổng cộng số dư (sau lãi)

704.749.512

694.536.054

chênh lệch

KẾ TOÁN

Thủy

Nguyễn Thị Thủy Vi

Ngày 05 tháng 4 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Lam

Chi nhánh: Chi nhánh H. Củ Chi - H. Củ Chi
Địa chỉ: KP 2-Tỉnh lộ 8- Thị Trấn Củ Chi-Huyện Củ Chi
Điện thoại/Fax: 1/1

SỔ PHỤ / STATEMENT

Tên khách hàng/ Customer name : TT GD Nghề Nghiệp- GD Thường Xuyên Huyện Củ Chi

Địa chỉ / Address : Khu Phố 3, Thị Trấn Củ Chi, HCM

Ngày in / Print out date : 04/04/2023

Loại tiền / Ccy : VND

Loại tiền gửi / DP kind : TG KKH TCKT

Tài khoản đồng sở hữu/ Joint A/C : No

Số tài khoản / A/C No : 6120201013071

Tình trạng tài khoản/ A/C status : Active

Ngày phát sinh trước / Prior Statement : 28/02/2023

606,169,997 Doanh số nợ tháng / Monthly less debit : 478,904,000

Số dư cuối ngày / Ending balance : 31/03/2023

293,650,725 Doanh số có tháng / Monthly plus credit: 166,384,728

Số bút toán/Doanh số nợ/ Less debit : 2

478,904,000 Doanh số nợ năm / Annual less debit : 633,972,052

Số bút toán/Doanh số có / Plus credit : 58

166,384,728 Doanh số có năm / Annual plus credit : 920,971,633

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
01/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230228 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		1,622,000	607,791,997	FT23060807500137
02/03/2023	C/C Transfer From: #1902201057684 : Agribank CT học phí SSC từ ngày 27/02/2023 đến ngày 28/02/2023 .Kênh thu: Momo-20AA01		3,669,000	611,460,997	
02/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230301 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		811,000	612,271,997	FT23061573220518
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 27.02.23		1,240,000	613,511,997	904A23303HYUPACP
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 25.02.23		19,071,000	632,582,997	904A23303HYH8V82
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 26.02.23		9,798,000	642,380,997	904A23303HYLK03R
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 27.02.23		12,698,000	655,078,997	904A23303HYPA53E
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 26.02.23		662,000	655,740,997	904A23303HYST1YQ
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 VIETINBANK 25.02.23		811,000	656,551,997	904A23303HY7RCE
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 FINVIET 25.02.23		2,658,000	659,209,997	904A23303HYZ4GBJ
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 VIETTEL 26.02.23		811,000	660,020,997	904A23303HYWFW90
03/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 FINVIET 27.02.23		1,772,000	661,792,997	904A23303HYZXM3A
03/03/2023	CT.THANH TOAN HOC PHI SSC TU NGAY 28 02 2023 DEN NGAY 02 03 2023		2,135,000	663,927,997	23030310005673
06/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230304 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		886,000	664,813,997	FT23065498042740
06/03/2023	CHUYEN TIEN	478,893,000		185,920,997	
07/03/2023	CT.THANH TOAN HOC PHI SSC TU NGAY 05 03 2023 DEN NGAY 06 03 2023		1,282,000	187,202,997	23030710005364
07/03/2023	C/C Transfer From: #1902201057684 : Agribank CT học phí SSC từ ngày 01/03/2023 đến ngày 05/03/2023 .Kênh thu: Momo-20AA01		2,070,000	189,272,997	

Chi nhánh: Chi nhánh H. Củ Chi - H. Củ Chi
Địa chỉ: KP 2-Tỉnh lộ 8- Thị trấn Củ Chi-Huyện Củ Chi
Điện thoại/Fax: 1/1

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM



Mang phần thịnh đến khách hàng

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
07/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230306 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		1,790,000	191,062,997	FT23066007796257
07/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 28.02.23		10,590,000	201,652,997	904A2330AEELHQ06
07/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 01.03.23		3,371,000	205,023,997	904A2330AEEQ75XQ
07/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 03.03.23		1,944,000	206,967,997	904A2330AEEZ76ZK
07/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 02.03.23		886,000	207,853,997	904A2330AEFA78ZF
07/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 02.03.23		4,322,000	212,175,997	904A2330AEEUP85K
09/03/2023	C/C Transfer From: #1902201057684 : Agribank CT học phí SSC từ ngày 06/03/2023 đến ngày 07/03/2023 .Kênh thu: Momo-20AA01		811,000	212,986,997	
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 05.03.23		7,906,000	220,892,997	904A2330F7W0J34T
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 04.03.23		2,513,000	223,405,997	904A2330F7VW3C9F
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 PAYOO 06.03.23		5,058,000	228,463,997	904A2330F7W5TKE1
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 04.03.23		886,000	229,349,997	904A2330F7WB21WX
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 05.03.23		1,772,000	231,121,997	904A2330F7WELX7R
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 VIETINBANK 05.03.23		886,000	232,007,997	904A2330F7WXYTA6
10/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 06.03.23		886,000	232,893,997	904A2330F7WKJET7
10/03/2023	CT.THANH TOAN HOC PHI SSC TU NGAY 01 03 2023 DEN NGAY 01 03 2023		1,230,000	234,123,997	23031010011404
10/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230309 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		811,000	234,934,997	FT23069771607454
13/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230310 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		886,000	235,820,997	FT23072101015305
13/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230311 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		662,000	236,482,997	FT23072501252270
14/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230313 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		662,000	237,144,997	FT23073403930200
14/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 08.03.23		662,000	237,806,997	904A2330MVCSWM7R
14/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 09.03.23		662,000	238,468,997	904A2330MVCY4SH6
14/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 10.03.23		1,282,000	239,750,997	904A2330MVD2MHUC
14/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 VIETTEL 10.03.23		886,000	240,636,997	904A2330MVDG4UVE
14/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 FINVIET 07.03.23		1,772,000	242,408,997	904A2330MVDVDQHH
14/03/2023	CT.THANH TOAN HOC PHI SSC TU NGAY 12 03 2023 DEN NGAY 12 03 2023		811,000	243,219,997	23031410006215

Chi nhánh: Chi nhánh H. Củ Chi - H. Củ Chi
Địa chỉ: KP 2-Tỉnh lộ 8- Thị trấn Củ Chi-Huyện Củ Chi
Điện thoại/Fax: 1/1

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM



Mang phần trình đến khách hàng

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
14/03/2023	C/C Transfer From: #1902201057684 : Agribank CT học phí SSC từ ngày 08/03/2023 đến ngày 09/03/2023 .Kênh thu: Momo-20AA01		6,988,000	250,207,997	
17/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 ZALO 11.03.23		886,000	251,093,997	904A2330SLK9C0SX
17/03/2023	SSC VTB KC HP 20AA01 FINVIET 11.03.23		886,000	251,979,997	904A2330SLKYAA9Y
20/03/2023	Thu phí quản lý tài khoản tháng 03 năm 2023	11,000		251,968,997	
20/03/2023	TTHP MOMO 12-03-2023		886,000	252,854,997	23032010000643
20/03/2023	TTHP PAYOO 11-03-2023		2,578,000	255,432,997	23032010002777
20/03/2023	TTHP PAYOO 08-03-2023		3,569,000	259,001,997	23032010003485
20/03/2023	TTHP PAYOO 07-03-2023		5,051,000	264,052,997	23032010003000
20/03/2023	TTHP PAYOO 09-03-2023		5,620,000	269,672,997	23032010005793
20/03/2023	TTHP PAYOO 10-03-2023		8,674,000	278,346,997	23032010006379
20/03/2023	TTHP MOMO 10-03-2023		886,000	279,232,997	23032010006094
20/03/2023	TTHP PAYOO 12-03-2023		5,137,000	284,369,997	23032010004288
22/03/2023	TTHP SSC PAYOO 14-03-2023		1,282,000	285,651,997	23032210001122
22/03/2023	TTHP SSC MOMO16-03-2023		1,247,000	286,898,997	23032210002609
22/03/2023	TTHP SSC PAYOO 13-03-2023		4,993,000	291,891,997	23032210000746
22/03/2023	MB KET CHUYEN TIEN THU HOC PHINGAY 20230321 MA TRUONG 20AA01 KENH APP MBB		811,000	292,702,997	FT23081697477648
29/03/2023	TTHP SSC PAYOO NGAY 24-03-2023		811,000	293,513,997	23032910001456
31/03/2023	Lãi tiền gửi		136,728	293,650,725	

CM
pr

Nguyễn Thủy Tiên Phương

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG AGRIBANK
SỔ PHỤ THEO NGÂN HÀNG AGRIBANK NĂM 2023
SỐ TÀI KHOẢN: 6120201013071

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Thu	Chi	Tồn
	Thu	Chi				
			Mang sang			6.651.144
03/01/2023			Rút tiền BHYT nhập về TK6677		5.046.052	1.605.092
06/01/2023			Thu học phí	681.000		2.286.092
10/01/2023			Thu học phí	9.947.000		12.233.092
12/01/2023			Thu học phí	1.247.000		13.480.092
13/01/2023			Thu học phí	1.047.000		14.527.092
16/01/2023			Thu học phí	1.618.000		16.145.092
17/01/2023			Thu học phí	8.089.000		24.234.092
27/01/2023			Thu phí quản lý tài khoản tháng 01/2023		11.000	24.223.092
31/01/2023			Thu học phí	1.878.000		26.101.092
31/01/2023			Lãi tiền gửi tháng 01/2023	6.716		26.107.808
03/02/2023			Thu học phí	2.832.000		28.939.808
06/02/2023			Thu học phí	3.711.000		32.650.808
07/02/2023			Thu học phí	49.880.000		82.530.808
08/02/2023			Thu học phí	3.049.000		85.579.808
09/02/2023			Thu học phí	16.550.000		102.129.808
10/02/2023			Thu học phí	62.148.000		164.277.808
13/02/2023			Thu học phí	5.456.000		169.733.808
14/02/2023			Thu học phí	164.889.000		334.622.808
15/02/2023			Thu học phí	2.946.000		337.568.808
16/02/2023			Thu học phí	5.356.000		342.924.808
17/02/2023			Thu học phí	85.490.000		428.414.808
20/02/2023			Thu phí quản lý tài khoản tháng 02/2023		11.000	428.403.808
20/02/2023			Thu học phí	7.362.000		435.765.808
21/02/2023			Thu học phí	109.589.000		545.354.808
22/02/2023			Thu học phí	1.431.000		546.785.808
23/02/2023			Thu học phí	11.058.000		557.843.808
24/02/2023			Thu học phí	56.064.000		613.907.808
27/02/2023			Thu học phí	6.515.000		620.422.808
27/02/2023			NTBD rút tiền		150.000.000	470.422.808
28/02/2023			Thu học phí	135.632.000		606.054.808
28/02/2023			Lãi tiền gửi tháng 02/2023	115.189		606.169.997
01/03/2023			Thu học phí	1.622.000		607.791.997
02/03/2023			Thu học phí	4.480.000		612.271.997
03/03/2023			Thu học phí	51.656.000		663.927.997
06/03/2023			Thu học phí	886.000		664.813.997
06/03/2023			Rút tiền nhập về TK6677		478.893.000	185.920.997



Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Thu	Chi	Tồn
	Thu	Chi				
07/03/2023			Thu học phí	26.255.000		212.175.997
09/03/2023			Thu học phí	811.000		212.986.997
10/03/2023			Thu học phí	21.948.000		234.934.997
13/03/2023			Thu học phí	1.548.000		236.482.997
14/03/2023			Thu học phí	13.725.000		250.207.997
17/03/2023			Thu học phí	1.772.000		251.979.997
20/03/2023			Phí quản lý tài khoản tháng 3/2023		11.000	251.968.997
20/03/2023			Thu học phí	32.401.000		284.369.997
22/03/2023			Thu học phí	8.333.000		292.702.997
29/03/2023			Thu học phí	811.000		293.513.997
31/03/2023			Lãi tiền gửi	136.728		293.650.725
			Cộng phát sinh trong năm	920.971.633	633.972.052	
			Số dư năm trước chuyển sang	6.651.144		
			Lũy kế từ đầu năm	927.622.777	633.972.052	
			Số dư cuối tháng			293.650.725



1/ Tiền Học Phí:			
		Số dư	-
		Thu trong kỳ	244.950.000
		Rút	-
		Số dư 2023	244.950.000
2/ Tiền DTHT			
		Số dư	-
		Thu trong kỳ	607.621.000
		Rút	563.633.000
		Số dư 2023	43.988.000
3/ Tiền Tin Học			
		Số dư	
		Thu trong kỳ	27.370.000
		Rút	26.250.000
		Số dư 2023	1.120.000
4/ Tiền Nghề			
		Số dư	-
		Thu trong kỳ	40.100.000
		Rút	38.450.000
		Số dư 2023	1.650.000
5/Tiền lãi ngân hàng			-
		Số dư	1.605.092
		Tiền lãi NH năm 2023	258.633
		Phí quản lý tài khoản 2023	33.000
		Mua séc	-
		Phí chuyển tiền	-
		Số dư 2023	1.830.725
6/ Tiền BHTN			

Ngày 27/02/2023 rút 150tr

TH	3.553.560
NG	18.617.289
DTHT	127.829.151
	150.000.000

Thu từ 26/12/22 đến 06/3/2023

HP	226.550.000
TH	26.250.000
NG	38.450.000
DTHT	563.633.000
HSNH	500.000
PH	60.000
	855.443.000

Ngày 06/3/2023 rút 478,893tr

TH	22.696.440
NG	19.832.711
DTHT	435.803.849
HSNH	500.000
PH	60.000
	478.893.000

Ngày 05/4/2023

TH	1.120.000
NG	1.650.000
DTHT	43.988.000
HSNH	100.000

		Số dư	-
		Thu trong kỳ	-
		Rút	-
		<u>Số dư 2023</u>	<u>-</u>
7/ Tiền BHYT			
		Số dư	-
		Thu trong kỳ	5.046.052
		Rút	5.046.052
		<u>Số dư 2023</u>	<u>-</u>
8/Tiền Phù Hiệu			
		Số dư	-
		Thu trong kỳ	72.000
		Rút	60.000
		<u>Số dư 2023</u>	<u>12.000</u>
8/Tiền HSNH			
		Số dư	-
		Thu trong kỳ	600.000
		Rút	500.000
		<u>Số dư 2023</u>	<u>100.000</u>
		Tổng cộng số dư	<u>293.650.725</u>

Lãi **1.830.725**

Số dư sau lãi **291.820.000**

KẾ TOÁN

Thuy
Nguyễn Thị Thuy Vi

Ngày 05 tháng 4 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Lam

PH 12.000

46.870.000

Ngày 05/4/2023

NỘP HP 244.950.000

244.950.000



Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ
Chi Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 3 Năm 2023

Tên đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện
Củ Chi
Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Khu Phố 3, Thị Trấn Củ Chi, Tp HCM

Mã ĐVQHNS: 1127990

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3714.0.1127990.00000			
Số dư đầu kỳ	978.367.322			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	141.724.600			
Số dư cuối kỳ	836.642.722			
Tài khoản:	3713.0.1127990.94005			
Số dư đầu kỳ	143.003.364			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	143.003.364			
Tài khoản:	3713.0.1127990.94001			
Số dư đầu kỳ	426.562.760			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	426.562.760			
Tài khoản:	3713.0.1127990.94006			
Số dư đầu kỳ	8.017.332			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	8.017.332			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 4 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu

Người ký: Nguyễn Nhật Nga
Ngày ký: 04/04/2023 14:26:20
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Nhật Nga

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 4 năm 2023

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: NGUYỄN THỊ THUY VI
Ngày ký: 03/04/2023 16:11:17
Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

NGUYỄN THỊ THUY VI NGUYỄN THỊ NGỌC LAM

Mã chương: 622

Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi

Mã ĐVQHNS: 1127990

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 04/04/2023 14:20:23
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2023

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	075	00000	166.857	3.490.458.000	3.490.458.000	3.490.458.000	3.490.624.857	897.165.692	897.165.692	0	0	0	2.593.459.165
14	075	00000	275.861.860	2.798.000.000	2.798.000.000	2.798.000.000	3.073.861.860	0	0	0	0	0	3.073.861.860
Cộng:			276.028.717	6.288.458.000	6.288.458.000	6.288.458.000	6.564.486.717	897.165.692	897.165.692	0	0	0	5.667.321.025
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 4 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu

Ngày ký: Nguyễn Nhật Nga
Ngày ký: 04/04/2023 14:20:23
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Nhật Nga

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 4 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ký: NGUYỄN THỊ THUY VI
Ngày ký: 04/04/2023 14:20:23
Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi
Ngày ký: NGUYỄN THỊ NGỌC LAM
Ngày ký: 04/04/2023 14:20:23
Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi

NGUYỄN THỊ THUY VI NGUYỄN THỊ NGỌC LAM

Mã chương: 622

Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi

Mã ĐVQHNS: 1127990

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 08/07/2023 14:20:20
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	075	6001	00000	0	0	464.983.101	464.983.101	464.983.101	464.983.101
Phụ cấp chức vụ	13	075	6101	00000	0	0	14.080.500	14.080.500	14.080.500	14.080.500
Phụ cấp thu hút	13	075	6103	00000	0	0	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	075	6112	00000	0	0	140.087.118	140.087.118	140.087.118	140.087.118
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13	075	6113	00000	0	0	2.011.500	2.011.500	2.011.500	2.011.500
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	075	6115	00000	0	0	72.939.970	72.939.970	72.939.970	72.939.970
Bảo hiểm xã hội	13	075	6301	00000	0	0	77.272.737	77.272.737	77.272.737	77.272.737
Bảo hiểm y tế	13	075	6302	00000	0	0	13.246.755	13.246.755	13.246.755	13.246.755
Kinh phí công đoàn	13	075	6303	00000	0	0	8.831.170	8.831.170	8.831.170	8.831.170
Bảo hiểm thất nghiệp	13	075	6304	00000	0	0	4.415.585	4.415.585	4.415.585	4.415.585
Chi khác	13	075	6449	00000	0	0	52.200.000	52.200.000	52.200.000	52.200.000
Tiền điện	13	075	6501	00000	0	0	12.152.248	12.152.248	12.152.248	12.152.248
Tiền nước	13	075	6502	00000	0	0	269.100	269.100	269.100	269.100
Tiền vệ sinh, môi trường	13	075	6504	00000	0	0	2.676.300	2.676.300	2.676.300	2.676.300
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	075	6601	00000	0	0	173.522	173.522	173.522	173.522
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí	13	075	6605	00000	0	0	740.300	740.300	740.300	740.300

Internet; thuê đường truyền mạng										
Khoản điện thoại	13	075	6618	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Khác	13	075	6649	00000	0	0	1.265.000	1.265.000	1.265.000	1.265.000
Phụ cấp công tác phí	13	075	6702	00000	0	0	5.685.000	5.685.000	5.685.000	5.685.000
Khoản công tác phí	13	075	6704	00000	0	0	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
Thuê lao động trong nước	13	075	6757	00000	0	0	6.309.786	6.309.786	6.309.786	6.309.786
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	075	7053	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, cho đào tạo	13	075	7854	00000	0	0	3.576.000	3.576.000	3.576.000	3.576.000
Cộng:					0	0	897.165.692	897.165.692	897.165.692	897.165.692
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 4 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu

Người ký: Nguyễn Nhật Nga
Ngày ký: 04/04/2023 14:56:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN cũ Chi - TP.Hồ Chí Minh

Nguyễn Nhật Nga

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 4 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: NGUYỄN THỊ THÚY VỊ
Ngày ký: 03/04/2023 16:57:10
Đơn vị: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi - Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi

NGUYỄN THỊ THÚY VỊ NGUYỄN THỊ NGỌC LAM